

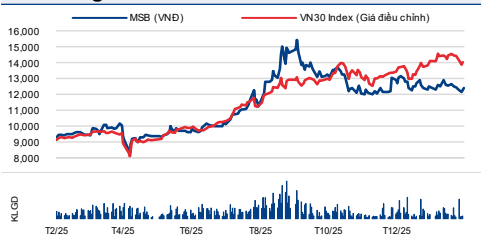
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ15,700
Tiềm năng tăng/giảm: 26.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	12,400
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	8,333-15,416
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,230
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	38,688
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,492
Sig CP lưu hành (tr.đv)	3,120
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	936
Sig CP NN được mua (tr.đv)	7.80
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.8%
Tỷ lệ freefloat	74.1%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	320,148	365,802	423,880
Dư nợ cho vay (ntđ)	176,493	210,193	249,269
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	14,218	14,710	16,455
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,520	5,489	5,587
BVPS (đồng)	11,800	13,547	15,338
EPS (đồng)	1,769	1,759	1,791
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	18.3	19.1	18.6
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	16.0	3.46	11.9
Tăng trưởng EPS (%)	18.4	(0.56)	1.79
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	16.2	13.9	12.4
ROAA (%)	1.88	1.60	1.41
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.27	3.38
Tỷ lệ CIR (%)	36.8	40.8	41.8
Hệ số CAR (%)	12.6	12.9	12.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.67	2.60	2.50
LLR/nợ xấu (%)	64.1	54.8	54.6
Hệ số LDR (%)	114	110	112
P/B (lần)	1.05	0.92	0.81
P/E (lần)	7.01	7.05	6.92
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 tăng 15% nhờ cắt giảm chi phí

- LNTT Q4 tăng 15% đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, tương đương LNTT cả năm đạt 7 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 2%), sát với dự báo của chúng tôi nhưng chủ yếu nhờ cắt giảm chi phí hoạt động thay vì ghi nhận khoản thu nhập không thường xuyên như theo kế hoạch ban đầu & dự báo của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng vừa phải ở mức 16,8% trong năm 2025. Tỷ lệ NIM vẫn ổn định so với quý trước ở mức 3,35%. Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định với tỷ lệ nợ xấu là 2,7% (giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước) trong khi tỷ lệ lãi dự thu/nợ nhóm 1 tăng lên.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 3% trong 3 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,8 lần, thấp hơn 37% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, với hệ số ROE là 12,4%, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 17,7%. HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

MSB đã công bố KQKD Q4/2025 vừa phải với LNTT đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ (tăng 64% so với cùng kỳ nếu không bao gồm khoản lãi không thường xuyên khoảng 600 tỷ đồng ghi nhận trong Q4/2024). Kết quả này chủ yếu nhờ chi phí được kiểm soát tốt, đặc biệt là chi phí hoạt động, trong khi doanh thu tăng trưởng chậm lại do không có khoản thu nhập không thường xuyên như kế hoạch đặt ra.

Trong cả năm 2025, LNTT đạt 7 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ 2%, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, khác với chúng tôi giả định, Ngân hàng không ghi nhận thu nhập không thường xuyên theo kế hoạch của BLĐ mà thay vào đó dựa vào việc thắt chặt chi phí nhân viên để củng cố lợi nhuận.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, MSB

LNTT Q4 tăng 15% so với cùng kỳ, đưa mức tăng trưởng cả năm đạt 2% (gần như đi ngang); kết quả này sát với dự báo của HSC dù các động lực tăng trưởng khác với kỳ vọng. Trong bối cảnh tổng thu nhập HĐ tăng trưởng khiêm tốn, Ngân hàng đã thắt chặt kiểm soát chi phí với chi phí hoạt động giảm mạnh trong Q4/2025

(Tỷ đồng)	Q4/24	Q4/25	Sv cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,139	3,044	-3%	10,242	10,947	7%	101%
Thu nhập ngoài lãi	1,114	804	-28%	3,974	3,097	-22%	80%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	313	644	106%	1,353	1,753	30%	122%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	210	59	-72%	1,056	845	-20%	77%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	120	-107	-189%	273	-77	-128%	-163%
Thu nhập khác	471	207	-56%	1,292	576	-55%	45%
Tổng thu nhập HĐ	4,253	3,848	-10%	14,217	14,045	-1%	95%
Chi phí HĐ	-1,891	-1,203	-36%	-5,230	-5,068	-3%	84%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	2,362	2,644	12%	8,987	8,977	0%	103%
Chi phí dự phòng	-361	-346	-4%	-2,084	-1,918	-8%	106%
LNTT	2,001	2,298	15%	6,903	7,058	2%	102%
Lợi nhuận thuần	1,616	1,851	15%	5,518	5,629	2%	103%

Nguồn: MSB, HSC

Tín dụng tăng trưởng vừa phải, huy động tăng trưởng mạnh mẽ

Tín dụng tăng trưởng vừa phải và thấp hơn bình quân ngành, đạt 16,8% so với cùng kỳ (tăng 0,8% so với quý trước). Mặc dù tín dụng tăng hạn chế ở Ngân hàng mẹ do hạn mức không còn nhiều (tăng 15,8% so với cùng kỳ và tăng 0,6% so với quý trước), tín dụng tại công ty con tài chính tiêu dùng TNEX tăng mạnh 114,5% so với cùng kỳ và tăng 12,1% so với quý trước – đóng góp 2% tổng dư nợ tín dụng.

- Cơ cấu theo phân khúc khách hàng, cho vay bán lẻ (tăng 34,9% so với cùng kỳ và tăng 10,4% so với quý trước) tăng trưởng vượt trội so với tín dụng doanh nghiệp (tăng 10,4% so với cùng kỳ nhưng giảm 2,9% so với quý trước) cả theo năm và theo quý.
- Cơ cấu theo ngành, động lực chính đến từ ngành BDS (tăng 66,3% so với cùng kỳ và tăng 41,5% so với quý trước).

Về phía nguồn vốn, tổng vốn huy động tăng trưởng vượt trội so với tín dụng (tăng 28,7% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước). Trong đó, tổng tiền gửi tăng 27,2% so với cùng kỳ và tăng 7,2% so với quý trước, trong khi giấy tờ có giá tăng mạnh 39,7% so với cùng kỳ và tăng 13,5% so với quý trước. Từ đó, hệ số LDR điều chỉnh giảm xuống 91,5%, thấp hơn nhiều so với bình quân 7 quý gần đây ở mức 102%.

Tỷ lệ NIM ổn định so với quý trước nhưng thu hẹp so với cùng kỳ

Tỷ lệ NIM ổn định so với quý trước ở mức 3,35% (giảm 84 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng đi ngang nếu tính theo tỷ lệ NIM cốt lõi, không bao gồm các khoản mục không thường xuyên trong Q4/2024), do phần gia tăng của lợi suất tài sản (tăng 21 điểm cơ bản so với quý trước) bù trừ với phần gia tăng của chi phí huy động (tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước).

Tính cả năm 2025, tỷ lệ NIM cốt lõi đạt 3,15%, giảm 31 điểm cơ bản so với cùng kỳ, phản ánh hệ số LDR giảm xuống, lợi suất gộp cốt lõi giảm 22 điểm cơ bản trong khi chi phí huy động nhìn chung đi ngang. Về mặt tích cực, MSB đã kiểm soát tương đối tốt chi phí huy động bất chấp lãi suất LNH neo cao nhờ cơ cấu vốn huy động tiếp tục cải thiện, trong đó:

- Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng lên 28,9% (đứng thứ 4 trong số các cổ phiếu ngân hàng trong phạm vi phân tích của chúng tôi) từ 27,3% trong Q3/2025 nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh năm 2022 khoảng 38%.
- Tỷ lệ tiền gửi doanh nghiệp tăng lên 56,1% từ 53,5% trong Q3/2025.

Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định dù tín hiệu trái chiều

Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định so với quý trước với tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ xuống 2,7% từ 2,8% trong Q3/2025 và duy trì ổn định dưới 3% trong 6 quý liên tiếp. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành giảm xuống 0,7%, thấp hơn bình quân 7 quý ở mức 1,4% và thấp hơn đáng kể so với năm 2023 (trên 2%) khi chất lượng tài sản chịu sức ép. Tuy nhiên, tỷ lệ lãi dự thu/tổng dư nợ nhóm 1 tiếp tục tăng lên 5,2%, cho thấy tỷ lệ lãi dự thu trong thu nhập gia tăng và tiềm ẩn rủi ro về chất lượng tài sản.

Đối với dự phòng, chi phí dự phòng Q4/2025 và cả năm 2025 giảm lần lượt 4% và 8% so với cùng kỳ. Chi phí tín dụng tiếp tục tăng nhanh hơn tỷ lệ nợ xấu mới hình thành trong cả năm 2025, và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 52% từ 54% trong Q3/2025 và 64% trong Q4/2024. Với tỷ lệ nợ được xóa sổ tiếp tục ổn định, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống & rủi ro chất lượng tài sản vẫn tiếp diễn, áp lực trích lập dự phòng có thể sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

Thu nhập ngoài lãi sụt giảm do không còn khoản thu nhập không thường xuyên

Thu nhập ngoài lãi giảm mạnh 28% so với mức nền cao trong Q4/2025 và giảm 22% so với cùng kỳ trong năm 2025 do Ngân hàng không ghi nhận khoản thu nhập không thường xuyên theo kế hoạch (Mời xem phân tích về khoản thu nhập không thường xuyên trong Báo cáo: [Nâng khuyến nghị lên Mua vào nhờ định giá hấp dẫn](#), HSC, ngày 9/12/2026), không đạt kế hoạch của BLĐ và giả định của chúng tôi.

Kết quả ở các mảng kinh doanh còn lại trái chiều: Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn sụt giảm, trong khi lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 106% so với cùng kỳ trong Q4/2025 và tăng trưởng 30% trong cả năm 2025, chủ yếu nhờ thu nhập phí khác.

Cắt giảm chi phí hoạt động hỗ trợ lợi nhuận

Trong bối cảnh doanh thu tăng trưởng hạn chế do hạn mức tín dụng không còn nhiều và không có khoản thu nhập không thường xuyên như kế hoạch đặt ra, MSB đã cắt giảm mạnh mẽ chi phí hoạt động trong Q4/2025 (giảm 36% so với cùng kỳ), tương đương chi phí hoạt động cả năm giảm 3% so với cùng kỳ. Động lực chủ yếu đến từ chi phí nhân viên giảm 68% so với cùng kỳ và giảm 47% so với quý trước. Do mức giảm mạnh bất thường (đặc biệt là khi MSB thường ghi nhận chi phí hoạt động tập trung vào Q4, khả năng liên quan đến chi thường cuối năm), HSC cho rằng khoản cắt giảm này là không thường xuyên và khó có thể duy trì trong những quý tới.

Từ đó, hệ số CIR đã cải thiện mạnh mẽ từ 45% trong Q4/2024 xuống 31%. Tương tự, tỷ lệ chi phí hoạt động/bình quân dư nợ tín dụng giảm xuống 2,3%, từ 4,3% trong Q4/2024 và thấp hơn bình quân 9 tháng đầu năm 2025 ở mức 2,6%.

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 3% trong 3 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,8 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 0,92 lần và thấp hơn 37% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,28 lần (hệ số ROE là 12,4% so với bình quân ngành là 17,7%). HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	18,951	18,681	21,210	25,712	30,871
Chi phí lãi	(9,763)	(8,438)	(10,355)	(12,802)	(15,483)
Thu nhập lãi thuần	9,189	10,243	10,854	12,909	15,387
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,597	1,354	1,436	1,565	1,908
Lãi thuần HĐ KDNH	1,072	1,056	1,098	1,409	1,363
Lãi/lỗ từ mua bán CK	499	273	47.1	83.5	192
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	1.63	0	0	0	0
Thu nhập khác	(99.5)	1,292	1,274	488	435
Tổng thu nhập HĐ	12,259	14,218	14,710	16,455	19,285
Chi phí HĐ	(4,812)	(5,230)	(5,998)	(6,883)	(7,903)
LN trước dự phòng	7,447	8,988	8,712	9,572	11,382
Chi phí dự phòng	(1,617)	(2,084)	(1,812)	(2,588)	(3,363)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,830	6,904	6,900	6,984	8,019
Chi phí thuế TNDN	(1,186)	(1,384)	(1,411)	(1,397)	(1,604)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,644	5,520	5,489	5,587	6,415
EPS (đồng)	1,494	1,769	1,759	1,791	2,056
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,109	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	940	1,203	1,756	2,040	2,357
Tiền gửi tại NHNN	4,589	5,495	7,641	5,545	5,126
Tiền gửi tại các TCTD khác	61,150	60,936	63,884	65,519	75,656
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	146,783	173,467	207,201	245,864	290,686
Tổng dư nợ cho vay	149,145	176,493	210,193	249,269	294,615
Dự phòng rủi ro	(2,363)	(3,026)	(2,992)	(3,404)	(3,928)
Chứng khoán đầu tư	37,880	65,570	73,008	89,786	103,649
CK đầu tư sẵn sàng để bán	37,897	65,605	73,040	89,819	103,701
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(17.1)	(34.9)	(32.6)	(32.6)	(51.2)
Đầu tư dài hạn	10.0	12.0	1.24	1.24	1.24
Tài sản cố định	403	433	461	461	461
Tài sản khác	15,252	13,032	11,851	14,664	16,216
Tổng tài sản	267,006	320,148	365,802	423,880	494,152
Nợ phải trả	235,708	283,331	323,535	376,025	439,883
Tiền gửi của NHNN	1,013	9,204	9,199	3,912	2,593
Tiền gửi của các TCTD khác	85,554	92,189	88,527	109,936	132,840
Tổng tiền gửi KH	132,350	154,612	191,018	221,809	256,315
Trái phiếu và CCTG	8,991	21,211	28,543	33,144	38,300
Nợ khác	7,537	5,384	5,269	6,246	8,856
Vốn chủ sở hữu	31,298	36,817	42,268	47,855	54,270
Vốn điều lệ	20,000	26,000	31,200	31,200	31,200
Thặng dư vốn cổ phần	33.5	33.0	33.5	33.5	33.5
Lợi nhuận giữ lại	8,674	7,495	6,678	11,168	16,745
Quỹ & vốn khác của CSH	2,591	3,289	4,356	5,454	6,292
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	267,006	320,148	365,802	423,880	494,152
BVPS (đồng)	10,031	11,800	13,547	15,338	17,394

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	25.5	19.9	14.3	15.9	16.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.6	18.3	19.1	18.6	18.2
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.0	16.8	23.5	16.1	15.6
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	9.81	24.4	24.9	16.1	15.6
Tăng trưởng VCSH (%)	17.4	17.6	14.8	13.2	13.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.4	11.5	5.97	18.9	19.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.68	8.68	14.7	14.8	14.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.8	20.7	(3.07)	9.87	18.9
Tăng trưởng LNTT (%)	0.74	18.4	(0.06)	1.22	14.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	0.61	18.9	(0.56)	1.79	14.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.11	4.84	4.29	4.17	4.20
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.01)	(1.78)	(1.75)	(1.74)	(1.72)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	93.4	95.6	96.7	96.9	96.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.94	2.13	2.18	2.42	2.80
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	17.7	21.2	21.1	21.5	24.7

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.30	7.01	7.05	6.92	6.03
P/B (lần)	1.24	1.05	0.92	0.81	0.71
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.9	38.8	37.3	34.0	33.3
ROAA (%)	1.94	1.88	1.60	1.41	1.40
ROAE (%)	16.0	16.2	13.9	12.4	12.6
Chi phí huy động BQ (%)	4.79	3.34	3.48	3.73	3.88
Lợi suất góp BQ (%)	8.46	6.66	6.40	6.72	6.94
Lợi suất thuần (%)	3.68	3.32	2.91	2.99	3.07
Tỷ lệ NIM (%)	4.10	3.65	3.27	3.38	3.46
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	13.0	9.52	9.76	9.51	9.89
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.0	72.0	73.8	78.5	79.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	12.0	18.4	16.4	12.0	10.3
Tỷ lệ CIR (%)	39.3	36.8	40.8	41.8	41.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.8	12.6	12.9	12.8	12.5
VCSH/Tổng TS (%)	11.7	11.5	11.6	11.3	11.0
Đòn bẩy vốn (lần)	8.53	8.70	8.65	8.86	9.11

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.87	2.67	2.60	2.50	2.30
Hệ số LLR (%)	55.2	64.1	54.8	54.6	58.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	113	114	110	112	115
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	37.7	34.4	28.7	30.1	31.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.9	55.1	57.5	58.8	59.6

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	263	260	260	260	260
Số lượng nhân viên	6,317	6,678	6,744	6,811	6,879

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn